**Tiết 2**

**Toán**

**TIẾT 102: CHU VI HÌNH TRÒN (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Biết cách tính chu vi hình tròn và vận dụng được để tính chu vi hình tròn trong một số tình huống cụ thể có liên quan.

**2. Năng lực, phẩm chất**

- Phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.

- Chăm chỉ trong tính toán và làm bài; trung thực trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; có trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT, chuẩn bị hình tròn có bán kính 2 cm, phiếu học tập chia các nhóm kẻ sẵn bảng gồm 3 cột: bán kính, đường kính, chu vi.

- SGK, SGV Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**2. Học sinh**

- Thước dây.

- SGK, Vở Bài tập Toán 5 tập 1 bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Hoạt động khởi động** | |
| - HS hoạt động theo nhóm (bàn) quan sát hình VC (trong SGK hoặc trong máy chiếu) và thảo luận: Để tính độ dài của một vòng quay ta làm thế nào? | - HS thảo luận và trả lời câu hỏi. |
| **-** GV gợi ý: Độ dài của một vòng quay chính là độ dài cùa đường “bao quanh” hình tròn (đường biểu diễn vòng quay). |  |
| - Vậy muốn tính độ dài đường “bao quanh” hình tròn ta làm thế nào? | - Ta tính độ dài của 1 vòng quay. |
| - GV nhận xét, giới thiệu vào bài. | - HS nghe. |
| **B. Luyện tập, thực hành** | |
| **Bài 3:** Củng cố kĩ năng giải toán có liên quan đến cách tính chu vi cùa hình tròn. |  |
| - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập. | - HS đọc yêu cầu bài toán. |
| - GV cho HS thảo luận theo nhóm 2 và trả lời các câu hỏi. | - HS thảo luận và trả lời câu hỏi:  Bài giải  a. Chu vi bánh xc là:  3.14 x 0.6= 1,884 (m)  Đáp số: 1,884 m.  b. Nếu ngồi trên đu quay và quay đủng một vòng thì đà di chuyển được quãng đường dài bang đúng chu vi bánh xc hình tròn.  Quàng đường di chuyên được là:  3,14 x 10 x 2 = 62,8 (m)  Đáp số: 62,8 m. |
| - HS các nhóm khác nhận xét bổ sung, GV chốt đáp án. | - HS phát biểu, nhận xét. |
| **Bài 4:** Củng cố kĩ năng giải toán có liên quan đến cách tính chu vi cùa hình tròn. |  |
| - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài toán. | - HS đọc. |
| - GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm 4 HS. Các nhóm thảo luận và tìm câu trả lời của bài toán. | - HS thảo luận và tìm câu trả lời:  + Tính chu vi hình vuông: 2 x 4 = 8 (cm).  + Tính chu vi hình tròn: 3,14 x 2 = 6,28 (cm).  + Nhận xét: 8 cm dài hơn 6,28 cm.  Trả lời: Con kiến bò một vòng xung quanh hình vuông bò được quãng đường dài hơn con kiến bò một vòng xung quanh hình tròn. |
| - GV mời 2 nhóm lên chia sẻ cách làm trước lớp. Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét cho nhóm bạn. | - HS nhận xét bài làm của nhóm bạn. |
| **C. Vận dụng, trải nghiệm** | |
| **Bài 5: Thực hành** |  |
| - GV chia HS thành nhóm 4 và thực hiện các thao tác sau: |  |
| + GV cho HS đo độ dài một vòng quanh thân cây và nêu kết quả sau khi đo. | - HS đo độ dài một vòng quanh thân cây. |
| + Xem thân cây có dạng như hình tròn, vậy độ dài một vòng quanh thân cây được gọi là gì? | - Chu vi hình tròn. |
| + GV yêu cầu HS dùng máy tính cầm tay, thực hiện phép chia C : 3,14 rồi ước lượng kết quả tính để có độ dài đường kính của thân cây. | - HS thực hiện. |
| - Vậy muốn tính đường kính của hình tròn thì ta làm thế nào? | - Muốn tính đường kính của hình tròn ta lấy chu vi chia 3,14. |
| **Củng cố, dặn dò** |  |
| - Qua bài học hôm nay, các em biết thêm được điều gì? Em nhắn bạn cần lưu ý những gì? |  |
| - Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến bài đã học. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY** *(nếu có)*

......................................................................................................................................................................................................................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**